

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Đinh Quốc H - sinh năm 1985

Địa chỉ: đường F, Phường S, quận B, Tp. HCM.

2. Bà Đào Thị Kim N - sinh năm 1989

Địa chỉ: đường K, phường H, quận B, Tp.HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2013 thì ông H và bà N là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà N cùng trình bày ông bà tự nguyện tìm hiểu và chung sống năm 2013. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự khác biệt với nhau về quan điểm sống, cách sống, cách nuôi dạy con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01/2017, bà N dọn về nhà cha mẹ sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hai bên nhận thấy không còn

yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Ngọc Minh C, sinh ngày 19/8/2014. Hai bên thỏa thuận bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng, ông H sẽ cấp dưỡng từ tháng 03/2019 cho đến khi trẻ C trưởng thành đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Đinh Quốc H và bà Đào Thị Kim N chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Quốc H và bà Đào Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Đinh Ngọc Minh C, sinh ngày 19/8/2014 cho bà Đào Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đinh Quốc H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 03/2019 cho đến khi trẻ C đủ 18 tuổi.

Ông Đinh Quốc H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Đinh Quốc H chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Đinh Quốc H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Đinh Quốc H và bà Đào Thị Kim N nộp, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu số 0037821 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- UBND Phường S, quận B, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Ngọc Tâm